

Biện pháp nâng cao mức độ thích ứng với hoạt động học môn Đọc hiểu tiếng nước ngoài của sinh viên Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội

Đặng Thị Lan*

*Bộ môn Tâm lý - Giáo dục, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN,
Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận bài ngày 21 tháng 3 năm 2014

Chỉnh sửa ngày 25 tháng 11 năm 2014; Chấp nhận đăng ngày 11 tháng 12 năm 2014

Tóm tắt: Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng phương pháp thực nghiệm tác động sư phạm để đánh giá hiệu quả biện pháp “*hướng dẫn và tổ chức cho sinh viên thực hành một số hành động học cơ bản môn Đọc hiểu tiếng nước ngoài*” nhằm nâng cao mức độ thích ứng với hoạt động học môn học này. Kết quả cho thấy mức độ thích ứng với ba hành động học cơ bản môn Đọc hiểu tiếng nước ngoài của sinh viên nhóm thực nghiệm có sự phát triển và sự phát triển này ở mức cao hơn so với sinh viên nhóm đối chứng. Điều này cho phép khẳng định biện pháp nêu trên là phù hợp và có hiệu quả trong việc nâng cao mức độ thích ứng với hoạt động học môn Đọc hiểu tiếng nước ngoài của sinh viên Trường Đại học Ngoại ngữ-Đại học Quốc gia Hà Nội.

Từ khóa: Biện pháp nâng cao mức độ thích ứng, hoạt động học ngoại ngữ của sinh viên, môn Đọc hiểu tiếng nước ngoài.

1. Đặt vấn đề

Trong quá trình học tiếng nước ngoài (TNN), môn Đọc hiểu TNN giữ một vai trò quan trọng, giúp sinh viên (SV) làm giàu vốn tri thức ngôn ngữ, vốn từ vựng và có điều kiện thuận lợi để phát triển các kỹ năng thực hành TNN như: kỹ năng nói, kỹ năng nghe hiểu và kỹ năng viết. Đặc biệt đối với SV học TNN không có môi trường tiếng, môn Đọc hiểu TNN lại càng quan trọng. Thực tiễn nghiên cứu ở

trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHNN-ĐHQG Hà Nội) cho thấy SV còn gặp khá nhiều khó khăn trong hoạt động học nói chung và trong hoạt động học môn Đọc hiểu TNN nói riêng, mức độ thích ứng với hoạt động học môn học này của SV còn thấp.

Với mong muốn giúp SV vượt qua những khó khăn để thích ứng cao với hoạt động học môn Đọc hiểu TNN, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu về các biện pháp nâng cao mức độ thích ứng với hoạt động học môn Đọc hiểu tiếng nước ngoài của sinh viên trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội.

*ĐT.: 84-985310261

Email: dangthilan65@gmail.com

2. Một số vấn đề lý luận

2.1. Hoạt động học tiếng nước ngoài của sinh viên Đại học Ngoại ngữ

Hoạt động học TNN của sinh viên ĐHNH là hoạt động diễn ra theo phương thức xã hội đặc thù, có mục đích, nội dung, chương trình, kế hoạch, phương pháp và hình thức tổ chức học; được sinh viên nhận thức đầy đủ rõ ràng nhằm chiếm lĩnh tri thức ngôn ngữ, hình thành kỹ năng, kỹ xảo lời nói TNN và nghiệp vụ chuyên môn theo chuyên ngành đào tạo. Hoạt động học TNN có những đặc điểm cơ bản là:

- Hoạt động học TNN là hoạt động có đối tượng. Đối tượng của hoạt động học TNN là tri thức ngôn ngữ và kỹ năng, kỹ xảo lời nói TNN. Tri thức ngôn ngữ của một ngôn ngữ cụ thể (ngữ âm, từ vựng, ngữ nghĩa và ngữ pháp...) được SV lĩnh hội chủ yếu trong quá trình tiếp thu những vấn đề lý luận. Kỹ năng, kỹ xảo lời nói TNN là các hành động lời nói tương ứng với các tri thức ngôn ngữ, được hình thành thông qua quá trình vận dụng các tri thức ngôn ngữ vào thực tiễn.

- Đối tượng của hoạt động học TNN được người học TNN luôn ý thức rõ ràng.

- Hoạt động học TNN nhằm làm thay đổi chính chủ thể của nó (phát triển TNN ở người học) chứ không làm thay đổi gì ở đối tượng của hoạt động học TNN (không đưa cái gì mới vào TNN được học).

- Hoạt động học TNN vận hành theo cơ chế lĩnh hội, tức cơ chế tái tạo chứ không phải cơ chế sáng tạo.

- Hoạt động học TNN không chỉ hướng tới tiếp thu những tri thức ngôn ngữ, kỹ năng, kỹ xảo lời nói TNN mà còn hướng tới tiếp thu những tri thức của chính bản thân hoạt động học TNN - đó là phương pháp làm việc với TNN (dạy học, dịch thuật, giao tiếp).

Hoạt động học TNN diễn ra theo các cấp độ sau đây:

- Cấp độ cảm giác: hình thành sự nhận biết và phân biệt các hình ảnh âm thanh hoặc chữ viết của từ.

- Cấp độ vận động: diễn ra việc lựa chọn và thống nhất các vận động cấu âm vào trong các chương trình tương ứng, đồng thời cũng diễn ra các quá trình phân biệt, hệ thống hóa và thực hiện các vận động đó.

- Cấp độ tổng hợp (cấp độ cảm giác - vận động): hình thành những chương trình vận động phát âm dưới sự kiểm tra của các hình ảnh tri giác và biểu tượng.

Kết quả của ba cấp độ hoạt động học TNN vừa nêu được thể hiện dưới hình thức các kỹ năng, kỹ xảo cảm giác lời nói; các kỹ năng, kỹ xảo vận động lời nói và các kỹ năng, kỹ xảo cảm giác - vận động lời nói.

- Cấp độ trí tuệ (cấp độ lý tính): hình thành những quá trình phát hiện, phân tích, tách ra, khái quát hóa và cố định lại những thuộc tính cơ bản của ngữ âm, từ vựng và các mối liên hệ cú pháp, từ pháp, âm pháp, cũng như những hành động hợp lý về sử dụng các thuộc tính và các mối liên hệ đó. Kết quả của cấp độ hoạt động học TNN này là các tri thức ngôn ngữ và các kỹ năng, kỹ xảo lời nói TNN [1].

Các cấp độ hoạt động học TNN nêu trên có liên quan chặt chẽ, ứng với mỗi cấp độ có một loại hoạt động học TNN cụ thể. Trong thực tế, hoạt động học TNN là một quá trình tổng hợp của tất cả các cấp độ và các loại hoạt động học TNN có thể có.

Trong quá trình học TNN, SV phải tiến hành một số môn học như: các môn lý thuyết tiếng (ngữ pháp, ngữ âm, ngữ nghĩa, ngữ dụng học), các môn thực hành tiếng (đọc hiểu, nói, nghe hiểu và viết) và một số môn học khác. Các môn học này có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.

Sinh viên nắm vững TNN là phải nắm vững kỹ năng, kỹ xảo hình thành và thể hiện ý của mình (nói, viết...) và của người khác (nghe hiểu, đọc hiểu...) nhờ TNN.

Theo D.I. Clutrnhicôva, đọc hiểu TNN “là một quá trình tri giác và xử lý thông tin mang tính tích cực - cái đã được mã hóa bằng những nét chữ theo một hệ thống của ngôn ngữ này hay ngôn ngữ kia” [2].

Đọc hiểu TNN có những đặc điểm đặc trưng cơ bản sau:

Đọc hiểu TNN là một loại hoạt động lời nói nhằm tri giác và thông hiểu ngôn ngữ viết. Quan điểm tâm lý học ngôn ngữ coi đọc hiểu là một quá trình tâm lý biểu hiện tính tích cực hoạt động ngôn ngữ của chủ thể tiếp nhận ngôn ngữ ở hai mặt: tri giác ngôn ngữ và thông hiểu ngôn ngữ, là quá trình chuyển từ nghĩa khách quan chứa đựng trong chữ viết thành ý chủ quan của chủ thể tiếp nhận. *Tri giác ngôn ngữ* là một quá trình tâm lý ngôn ngữ phức tạp với tư cách một hoạt động nhận thức tích cực của chủ thể do nhiều yếu tố chủ quan chi phối như: khả năng tri giác ngôn ngữ, khả năng đọc ngôn ngữ, vốn ngôn ngữ, vốn kinh nghiệm sống, trình độ tư duy... *Thông hiểu ngôn ngữ* thực chất là quá trình thông hiểu ngữ nghĩa của ngôn ngữ thể hiện trong chữ viết, kí hiệu ngôn ngữ. Có nhiều mức độ thông hiểu ngôn ngữ: hiểu nghĩa bên ngoài, hiểu một số dấu hiệu của nghĩa nhưng chưa bản chất, hiểu dấu hiệu bản chất của nghĩa. Giữa tri giác ngôn ngữ và thông hiểu ngôn ngữ có quan hệ chặt chẽ với nhau, chi phối lẫn nhau trong một quá trình chỉnh thể của hoạt động tiếp nhận ngôn ngữ. Khi đọc hiểu TNN, các tín hiệu ngôn ngữ được thu nhận vào chủ yếu bằng mắt nên cảm giác nhìn chiếm ưu thế; đọc hiểu luôn kèm theo sự tái tạo lại ngữ liệu bằng lời nói bên trong (đọc thầm) hoặc lời nói bên ngoài (đọc to). Do đó, cảm giác vận

động và cảm giác nghe cũng giữ vai trò quan trọng.

Các hình thức đọc hiểu TNN như đọc to, đọc nhẩm hay đọc thầm... có mối quan hệ chặt chẽ với lời nói bên trong - cái có quan hệ trực tiếp với tư duy. Nhờ mối quan hệ này mà người đọc hiểu được bài đọc, nếu thiếu nó thì việc đọc hiểu bị ngừng trệ và trở thành quá trình biểu lộ âm thanh đơn thuần, nghĩa là không có sự hiểu.

Đọc hiểu TNN có quan hệ chặt chẽ với các dạng hoạt động lời nói khác như: nghe hiểu, nói và viết... Hoạt động đọc hiểu có cấu trúc gồm: hoạt động đọc, hành động đọc, thao tác đọc, động cơ đọc, mục đích đọc, điều kiện và phương tiện đọc. Các đơn vị này có quan hệ chặt chẽ, tác động qua lại và chuyển hóa cho nhau [3].

2.2. *Mức độ thích ứng với hoạt động học môn Đọc hiểu tiếng nước ngoài của sinh viên Đại học Ngoại ngữ*

Mức độ thích ứng là phạm vi thay đổi cấu trúc tâm lý cá nhân (nhận thức, thái độ và hành động) đáp ứng với yêu cầu hoạt động mới, bảo đảm cho cá nhân thực hiện hoạt động đó có kết quả [4].

Mức độ thích ứng với hoạt động học môn Đọc hiểu TNN của sinh viên ĐHNH được qui định bởi đặc trưng của hoạt động học TNN: đặc trưng về đối tượng, đặc trưng về động cơ, đặc trưng về mục đích, đặc trưng về phương tiện, đặc trưng về điều kiện. Mức độ thích ứng này diễn ra nhanh hay chậm, thuận lợi hay khó khăn phụ thuộc vào khả năng nhận thức đối tượng của hoạt động học TNN, sự hình thành động cơ, mục đích và hành động học TNN, nhất là vốn tri thức ngôn ngữ, kỹ năng, kỹ xảo lời nói TNN, năng lực ghi nhớ và phương pháp học TNN của SV, môi trường học TNN, năng lực giảng dạy của giảng viên và các điều kiện quan trọng

khác. Do đó, mức độ thích ứng với hoạt động học môn Đọc hiểu TNN của SV được xác định ở phạm vi nắm vững tri thức ngôn ngữ, kỹ năng, kỹ xảo lời nói TNN và phương pháp học TNN... để tiến hành hoạt động học môn Đọc hiểu TNN có kết quả [5].

Như vậy, có thể hiểu: Mức độ thích ứng với hoạt động học môn Đọc hiểu TNN của sinh viên ĐHNN là sự thay đổi về mặt nhận thức, thái độ và hành động của sinh viên đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ, điều kiện, phương tiện của hoạt động học môn Đọc hiểu TNN và bảo đảm cho họ tiến hành hoạt động học môn Đọc hiểu TNN có kết quả.

2.3. Biện pháp nâng cao mức độ thích ứng với hoạt động học môn Đọc hiểu tiếng nước ngoài của sinh viên Đại học Ngoại ngữ

Biện pháp nâng cao mức độ thích ứng với hoạt động học môn Đọc hiểu TNN của sinh viên ĐHNN là cách thức tổ chức, hướng dẫn và rèn luyện cho sinh viên thực hành có kết quả các hành động học, giúp họ thay đổi về nhận thức và hành động đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ, điều kiện, phương tiện của hoạt động học môn Đọc hiểu TNN và bảo đảm tiến hành hoạt động học môn học này có kết quả.

3. Phương pháp nghiên cứu

Chúng tôi đã sử dụng một hệ thống các phương pháp nghiên cứu, trong đó chủ yếu dùng phương pháp thực nghiệm tác động sự phạm.

3.1. Mục đích của thực nghiệm tác động sự phạm

Đánh giá hiệu quả biện pháp tác động sự phạm trong việc nâng cao mức độ thích ứng với

hoạt động học môn Đọc hiểu TNN của SV trường ĐHNN-ĐHQG Hà Nội thông qua việc so sánh sự khác biệt mức độ thích ứng với hoạt động học môn học này của SV giữa nhóm thực nghiệm (TN) và nhóm đối chứng (ĐC), trước thực nghiệm và sau thực nghiệm.

3.2. Giả thuyết thực nghiệm tác động sự phạm

Có thể nâng cao mức độ thích ứng với hoạt động học môn Đọc hiểu TNN của SV trường ĐHNN-ĐHQG Hà Nội bằng cách hướng dẫn cho SV phương pháp học, cụ thể là hướng dẫn và tổ chức cho họ thực hành có hiệu quả một số hành động học cơ bản môn Đọc hiểu TNN.

3.3. Khách thể của thực nghiệm tác động sự phạm

Nhóm thực nghiệm gồm 45 SV các khoa: Sư phạm tiếng Anh, Ngôn ngữ và Văn hóa Nga, Ngôn ngữ và Văn hóa Pháp, Ngôn ngữ và Văn hóa Trung Quốc. Nhóm đối chứng gồm 47 SV cũng thuộc các khoa nói trên. Chất lượng của SV nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng tương đối tương đồng nhau.

3.4. Biến độc lập và biến phụ thuộc

Biến độc lập: Sử dụng biện pháp tác động cơ bản là hướng dẫn và tổ chức cho SV trường ĐHNN-ĐHQG Hà Nội thực hành một số hành động học môn Đọc hiểu TNN.

Biến phụ thuộc: Sự biến đổi mức độ thích ứng với hoạt động học môn Đọc hiểu TNN của SV trường ĐHNN-ĐHQG Hà Nội.

3.5. Nội dung thực nghiệm tác động sự phạm

Giúp SV nhận thức được mục đích, yêu cầu của các hành động học cơ bản môn Đọc hiểu TNN, đặc biệt là hành động chuẩn bị bài học,

tiếp thu kiến thức bài học, sử dụng giáo trình (GT) và tài liệu tham khảo (TLTK) bởi những hành động học này có vai trò trực tiếp quyết định đến việc nâng cao mức độ thích ứng với hoạt động học môn Đọc hiểu TNN. Đồng thời, hướng dẫn SV các bước tiến hành và tổ chức cho họ thực hành có kết quả các hành động học đó. *Cụ thể là:*

3.5.1. Hành động chuẩn bị bài học môn Đọc hiểu TNN

- Mục đích: Giúp SV biết nên tập trung chú ý vào những nội dung trọng tâm nào của bài đọc hiểu.

- Yêu cầu: Trong một bài học môn Đọc hiểu TNN bao giờ cũng có hai phần kiến thức là kiến thức đã biết (từ, cấu trúc câu, cấu trúc ngữ pháp...) và kiến thức chưa biết (bài sắp đọc). Hai phần này có quan hệ mật thiết với nhau, trong đó phần kiến thức đã biết là cơ sở để tiếp thu phần kiến thức chưa biết. Do vậy, khi chuẩn bị bài học môn Đọc hiểu TNN, yêu cầu SV phải xác định được những điều đã biết có liên quan đến chủ đề bài đọc hiểu và những điều chưa biết, chưa rõ; từ đó, tập trung vào điều chưa biết và chưa rõ để suy nghĩ.

- Các bước tiến hành: xem lại những bài đã đọc hiểu để biết mình đã nắm được những gì; chuẩn bị các tài liệu cần thiết và tìm hiểu trước về bài sắp đọc, cụ thể là: xác định các thành phần trong chủ đề bài đọc hiểu, xác định kiến thức trọng tâm của bài đọc hiểu, xác định những thông tin còn chưa rõ; biểu đạt những điều mình chưa biết, chưa rõ dưới dạng câu hỏi để tập trung chú ý tìm cách giải đáp khi học bài đọc hiểu.

3.5.2. Hành động tiếp thu kiến thức bài học môn Đọc hiểu TNN

- Mục đích: Giúp SV tiếp thu và ghi lại những thông tin trong bài đọc hiểu.

- Yêu cầu: Sinh viên phải làm việc chăm chỉ và tập trung chú ý vì trong bài giảng môn học này giảng viên không đưa tới cho SV những tri thức ngôn ngữ có sẵn mà chỉ hướng dẫn họ suy nghĩ để giải quyết vấn đề; SV phải nắm phương pháp tư duy để tự học vì giảng viên không giảng toàn bộ bài đọc hiểu mà chỉ tập trung vào một số nội dung chính của chủ đề bài đọc hiểu đó.

- Các bước tiến hành:

+ Gạt bỏ những suy nghĩ không liên quan đến chủ đề bài đọc hiểu.

+ Tập trung tư tưởng để tiếp thu kiến thức bài đọc hiểu (cả khi không có hứng thú).

+ Tập trung vào những nội dung mà mình chưa biết, chưa rõ đã được đánh dấu khi chuẩn bị bài đọc hiểu.

+ Kết hợp ba khâu: chú ý nghe, suy nghĩ và ghi. *Cụ thể:* nghe để không bỏ sót thông tin của bài đọc hiểu, suy nghĩ để hiểu được nội dung thông tin của bài đọc hiểu, ghi để lưu giữ thông tin; nắm bắt được cách diễn đạt qua các ví dụ của giảng viên, ghi được những điều giảng viên giảng mà không có trong giáo trình; tăng tốc độ ghi để có thời gian suy nghĩ (bằng cách viết tắt và dùng ký hiệu); cải tiến cách ghi: ghi theo ý và theo cách diễn đạt của bản thân; sau giờ học phải dành thời gian xem lại bài ngay; hoàn thiện bài đọc hiểu (bổ sung đoạn thiếu, thêm thông tin đã sưu tầm được, viết lại những từ và cấu trúc ngữ pháp mới...).

3.5.3. Hành động sử dụng giáo trình và tài liệu tham khảo môn Đọc hiểu TNN

- Mục đích: Sử dụng GT và TLTK môn Đọc hiểu TNN là hình thức tự học theo kiểu nghiên cứu của SV. Biết cách sử dụng GT và TLTK sẽ giúp SV giảm bớt thời gian học lý thuyết, tăng thời gian thực hành ở trên lớp.

- Yêu cầu và các bước tiến hành: biết lựa chọn tài liệu để đọc, lập thư mục tài liệu cần đọc trong đó xác định các loại đọc trước - sau, đọc kỹ - lướt, đọc toàn bộ - từng phần; biết cách đọc: đọc đúng trình tự (VD: nếu đọc cuốn sách có 4 phần cơ bản là phụ lục, mục lục, nội dung và lời giới thiệu thì bạn sẽ đọc theo trình tự nào?); biết ghi những thông tin cần thiết: cần ghi lại đầy đủ và đúng những thông tin đã thu thập được từ sách để sử dụng lâu dài; suy nghĩ lại những điều đã đọc, thậm chí đọc lại phần mà mình thấy hứng thú để tái hiện lại nội dung; tóm tắt nội dung tài liệu bằng một đoạn ngắn hoặc bằng sơ đồ.

3.6. Tiến hành thực nghiệm tác động sư phạm

Phương pháp thực nghiệm tác động sư phạm được tiến hành theo ba bước:

Bước 1: Khảo sát trước thực nghiệm và chuẩn bị tác động sư phạm

Khảo sát ở cả nhóm TN và nhóm ĐC để đánh giá mức độ thích ứng với hoạt động học môn Đọc hiểu TNN của SV trường ĐHNN-ĐHQG Hà Nội. Mức độ thích ứng với hoạt động học môn Đọc hiểu TNN của SV được đánh giá bằng các tiêu chí và thang điểm sau đây:

- Tiêu chí đánh giá mức độ thích ứng với hoạt động học môn Đọc hiểu TNN

Ở đây, đánh giá mức độ thích ứng với hoạt động học môn Đọc hiểu TNN của SV chỉ dựa vào hai mặt: *mặt nhận thức* (SV nhận thức về bản chất, nội dung cụ thể, tác dụng của ba hành động học cơ bản môn Đọc hiểu TNN) và *mặt hành động* (SV thực hành được ba hành động học cơ bản môn Đọc hiểu TNN). Cụ thể là:

+ Hành động chuẩn bị bài học môn Đọc hiểu TNN

* *Mặt nhận thức*: Nhận thức đúng hành động chuẩn bị bài học môn Đọc hiểu TNN là học từ mới, ôn lại cấu trúc câu có liên quan đến chủ đề bài đọc hiểu, tìm các nguồn tài liệu phục vụ chủ đề bài đọc hiểu và đi sâu vào một chủ đề hẹp do giảng viên qui định. Tác dụng của chuẩn bị bài học môn Đọc hiểu TNN là giúp SV xác định đúng những nội dung cần tập trung của chủ đề bài đọc hiểu.

* *Mặt hành động* (thực hành chuẩn bị bài học): chuẩn bị đầy đủ các tài liệu cần thiết cho bài đọc hiểu; xác định mối quan hệ giữa kiến thức cũ với chủ đề bài đọc hiểu; xác định các thành phần của bài đọc hiểu; xác định các kiến thức trọng tâm của bài đọc hiểu; xác định kiến thức chưa rõ hoặc khó hiểu của bài đọc hiểu.

+ Hành động tiếp thu kiến thức bài học môn Đọc hiểu TNN

* *Mặt nhận thức*: Nhận thức đúng hành động tiếp thu kiến thức bài học môn Đọc hiểu TNN là tiếp thu những nội dung mà bản thân nhận thấy cần thiết. Tác dụng của tiếp thu kiến thức bài học môn Đọc hiểu TNN là giúp SV nắm được nội dung bài đọc hiểu, hiểu ngay trên lớp; trả lời được những câu hỏi của bài đọc hiểu, tóm tắt nội dung bài đọc hiểu thành một đoạn văn ngắn làm tài liệu phục vụ cho việc ôn tập; có được những kiến thức quan trọng về một vấn đề nào đó trong chủ đề bài đọc hiểu và vận dụng nó vào cuộc sống.

* *Mặt hành động* (thực hành tiếp thu kiến thức bài học): lựa chọn cách diễn đạt tóm tắt nội dung bài đọc hiểu theo ý riêng của mình; tiếp thu kịp, đầy đủ và đúng những thông tin bài đọc hiểu; đọc lại nội dung bài đọc hiểu để bổ sung, chỉnh lý những kiến thức đã tiếp thu và đưa ra ý kiến riêng của bản thân về từng nội dung của bài học hiểu.

+ Hành động sử dụng giáo trình và tài liệu tham khảo môn Đọc hiểu TNN

* Mặt nhận thức: Nhận thức đúng hành động sử dụng GT và TLTK môn Đọc hiểu TNN là hình thức học tập chủ yếu để tích lũy tri thức ngôn ngữ phục vụ việc học tập và nghiên cứu ngoại ngữ nói chung và môn Đọc hiểu TNN nói riêng ở trường ĐHNN. Tác dụng của sử dụng GT và TLTK môn Đọc hiểu TNN là giúp SV tự học ngoại ngữ theo kiểu nghiên cứu.

* Mặt hành động (thực hành sử dụng GT và TLTK): đọc đúng trình tự các phần của GT và TLTK; đọc lướt để tìm ý chính, đọc nhanh để tìm các thông tin, đọc suy luận để ghép các

thông tin lại cho phù hợp; nhớ, suy nghĩ và vận dụng những điều vừa đọc; lưu giữ thông tin bằng cách ghi vào các tờ giấy nhỏ rời; phân loại thông tin theo từng chủ đề bài đọc hiểu.

- Thang điểm đánh giá mức độ thích ứng với hoạt động học môn Đọc hiểu TNN

Dựa vào những tiêu chí đánh giá đã nêu ở trên, chúng tôi xây dựng thang điểm đánh giá mức độ thích ứng với ba hành động học cơ bản môn Đọc hiểu TNN như sau:

+ Hành động chuẩn bị bài học môn Đọc hiểu TNN:

Các mặt	Các chỉ số cụ thể	Thang điểm
Nhận thức	Chuẩn bị bài học môn Đọc hiểu TNN là học từ mới, ôn lại cấu trúc câu có liên quan đến chủ đề bài đọc, tìm các nguồn tài liệu phục vụ chủ đề bài đọc và đi sâu vào một chủ đề hẹp do giảng viên qui định	1
	Chuẩn bị bài học môn Đọc hiểu TNN giúp SV xác định đúng những nội dung cần tập trung của chủ đề bài đọc	1
	Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu cần thiết cho bài đọc hiểu	1
Hành động	Xác định mối quan hệ giữa kiến thức cũ với chủ đề bài đọc hiểu	1
	Xác định các thành phần của bài đọc hiểu	1
	Xác định các kiến thức trọng tâm của bài đọc hiểu	2
	Xác định kiến thức chưa rõ hoặc khó hiểu của bài đọc hiểu	3
Tổng số điểm		10

+ Hành động tiếp thu kiến thức bài học môn Đọc hiểu TNN

Các mặt	Các chỉ số cụ thể	Thang điểm
Nhận thức	Tiếp thu kiến thức bài học môn Đọc hiểu TNN là tiếp thu những nội dung mà bản thân nhận thấy cần thiết	1
	Tiếp thu tốt kiến thức bài học môn Đọc hiểu TNN giúp SV nắm được nội dung bài đọc hiểu, hiểu ngay trên lớp; trả lời được những câu hỏi của bài đọc hiểu, tóm tắt nội dung bài đọc hiểu thành một đoạn văn ngắn làm tài liệu phục vụ cho việc ôn tập; có được những kiến thức quan trọng về một vấn đề nào đó trong chủ đề bài đọc hiểu và vận dụng nó vào cuộc sống	1
Hành động	Lựa chọn cách diễn đạt tóm tắt nội dung bài đọc hiểu theo ý riêng của mình	3
	Tiếp thu kịp, đầy đủ và đúng những thông tin bài đọc hiểu	2
	Đọc lại nội dung bài đọc hiểu để bổ sung, chỉnh lý những kiến thức đã tiếp thu và đưa ra ý kiến riêng của mình về từng nội dung của bài học hiểu	3
Tổng số điểm		10

+ Hành động sử dụng giáo trình và tài liệu tham khảo môn Đọc hiểu TNN

Các mặt	Các chỉ số cụ thể	Thang điểm
Nhận thức	Sử dụng GT và TLTK môn Đọc hiểu TNN là hình thức học tập chủ yếu để tích lũy tri thức ngôn ngữ phục vụ việc học tập và nghiên cứu ngoại ngữ nói chung và môn Đọc hiểu TNN nói riêng ở trường ĐHNN-ĐHQG Hà Nội	1
	Sử dụng GT và TLTK môn Đọc hiểu TNN giúp SV tự học ngoại ngữ theo kiểu nghiên cứu	1
	Đọc đúng trình tự các phần của GT và TLTK	1
Hành động	Đọc lướt tìm ý chính, đọc nhanh để tìm các thông tin, đọc suy luận để ghép các thông tin lại cho phù hợp	2
	Nhớ, suy nghĩ và vận dụng những điều vừa đọc	2
	Lưu giữ thông tin bằng cách ghi vào các tờ giấy nhỏ rời	1,5
	Phân loại thông tin theo từng chủ đề bài đọc hiểu	1,5
Tổng số điểm		10

Chúng tôi tính điểm các hành động học môn Đọc hiểu TNN (Điểm tối đa cho mỗi hành động học là 10 điểm), sau đó xếp mức độ thích ứng với từng hành động học của SV theo ba mức: *thích ứng cao* (từ 8.0 đến 10 điểm), *thích ứng trung bình* (từ 5.0 đến cận 8.0 điểm), *thích ứng thấp* (dưới 5.0 điểm).

Bước 2: Tiến hành thực nghiệm tác động sư phạm

Chúng tôi sử dụng biện pháp tác động sư phạm đã nêu ở trên để tác động vào nhận thức và hành động của SV nhóm thực nghiệm nhằm thu thập những thông tin làm căn cứ đánh giá sự thay đổi về mức độ thích ứng với hoạt động học môn Đọc hiểu TNN của nhóm thực nghiệm.

Bước 3: Đo kết quả sau thực nghiệm tác động sư phạm

3.7. Xử lý và đánh giá kết quả thực nghiệm tác động sư phạm

Kết quả thực nghiệm tác động sư phạm được phân tích ở cả mặt định lượng và định tính. Mặt định lượng, chúng tôi dựa vào phương pháp thống kê toán học. Mặt định tính, chúng

tôi phân tích, tổng hợp, khái quát kết quả thu được để rút ra những nhận xét về thực trạng mức độ thích ứng với hoạt động học môn Đọc hiểu TNN của sinh viên trường ĐHNN-ĐHQG Hà Nội; đánh giá tính khách quan, khoa học, chính xác của biện pháp tác động sư phạm.

4. Một số kết quả nghiên cứu thực tiễn biện pháp nâng cao mức độ thích ứng với hoạt động học môn Đọc hiểu tiếng nước ngoài của sinh viên trường ĐHNN-ĐHQG Hà Nội

- Kết quả trước thực nghiệm:

Kết quả bảng 1 cho thấy: Trước thực nghiệm, mức độ thích ứng với ba hành động học cơ bản môn Đọc hiểu TNN ở nhóm TN và nhóm ĐC là tương đương nhau. Kiểm định Rolf. Ludwig về sự khác biệt của mức độ thích ứng này ở nhóm TN và nhóm ĐC là không đáng kể ($|P_1 - P_2| < t.sd$). Kết quả này cho phép khẳng định: Trước khi tiến hành biện pháp tác động sư phạm, mức độ thích ứng với ba hành động học cơ bản môn Đọc hiểu TNN của nhóm TN và nhóm ĐC là tương đương.

Bảng 1. Mức độ thích ứng và kết quả kiểm định sự khác nhau về mức độ thích ứng với ba hành động học cơ bản môn Đọc hiểu TNN của nhóm TN và nhóm ĐC trước thực nghiệm

TT	Hành động học	Mức độ			
		Cao	Trung bình	Thấp	
1	Chuẩn bị bài học	TN	17.02	40.42	42.55
		ĐC	16.66	39.58	43.75
		$ P_1 - P_2 $	0.36	0.84	1.20
		t.sd	15.94	20.80	18.13
		Kết quả kiểm định	-	-	-
2	Tiếp thu kiến thức bài học	TN	8.51	14.89	76.59
		ĐC	8.33	16.66	75.00
		$ P_1 - P_2 $	0.18	1.77	1.59
		t.sd	12.15	15.56	18.13
		Kết quả kiểm định	-	-	-
3	Sử dụng GT và TLTK	TN	10.63	19.14	70.21
		ĐC	10.41	18.75	70.83
		$ P_1 - P_2 $	0.22	0.39	0.62
		t.sd	13.28	16.65	19.26
		Kết quả kiểm định	-	-	-

- Kết quả thực nghiệm:

Khi tiến hành biện pháp tác động sư phạm, mức độ thích ứng với ba hành động học cơ bản môn Đọc hiểu TNN của SV nhóm TN và nhóm ĐC có sự thay đổi theo hướng tích cực, nhưng sự thay đổi ở nhóm TN cao hơn nhiều so với nhóm ĐC. Để kiểm tra kết quả thích ứng của

hai nhóm, chúng tôi so sánh mức độ thích ứng với ba hành động học của nhóm TN, nhóm ĐC trước và sau thực nghiệm; so sánh mức độ thích ứng với ba hành động học giữa nhóm TN và nhóm ĐC sau thực nghiệm.

+ *Nhóm thực nghiệm trước và sau thực nghiệm*

Bảng 2. Mức độ thích ứng với ba hành động học cơ bản môn Đọc hiểu TNN của nhóm TN trước và sau thực nghiệm

TT	Hành động học	Mức độ					
		Trước thực nghiệm			Sau thực nghiệm		
		Cao (%)	Trung bình (%)	Thấp (%)	Cao (%)	Trung bình (%)	Thấp (%)
1	Chuẩn bị bài học	17.02	40.42	42.55	23.40	44.68	31.91
2	Tiếp thu kiến thức bài học	8.51	14.89	76.59	14.89	21.27	63.82
3	Sử dụng GT và TLTK	10.63	19.14	70.21	17.02	23.40	59.57

Kết quả bảng 2 cho thấy: Sau khi tiến hành biện pháp tác động sư phạm, tỷ lệ SV ở mức độ thích ứng cao và thích ứng trung bình tăng lên, tỷ lệ SV ở mức độ thích ứng thấp giảm xuống.

Xu hướng chung là tăng mức độ thích ứng cao và thích ứng trung bình, giảm mức độ thích ứng thấp ở cả ba hành động học cơ bản môn Đọc hiểu TNN.

Kiểm định T - test để so sánh kết quả trước và sau thực nghiệm ở nhóm TN cho thấy: mức độ thích ứng với ba hành động học cơ bản môn Đọc hiểu TNN ở nhóm TN sau thực nghiệm tăng cao hơn so với trước thực nghiệm. Cụ thể: *Chuẩn bị bài học* với giá trị $t = 5.343$ và mức ý nghĩa $P[\text{Sig.}(2\text{-tailed})] = 0.000$ (mức sai số nhỏ hơn 5%). *Tiếp thu kiến thức bài học* với giá trị $t = 4.495$ và mức ý nghĩa $P[\text{Sig.}(2\text{-tailed})] = 0.000$ (mức sai số nhỏ hơn 5%). *Sử dụng GT và TLTK* với giá trị $t = 4.105$ và mức ý nghĩa $P[\text{Sig.}(2\text{-tailed})] = 0.000$ (mức sai số nhỏ hơn 5%). Kết

quả này cho phép khẳng định: Mức độ thích ứng với ba hành động học môn Đọc hiểu TNN của nhóm TN sau khi tiến hành biện pháp tác động sư phạm đã thay đổi một cách có ý nghĩa so với trước khi tiến hành biện pháp tác động sư phạm. Điều đó khẳng định chất lượng, hiệu quả của biện pháp tác động sư phạm đã góp phần nâng cao mức độ thích ứng với hoạt động học môn Đọc hiểu TNN của nhóm TN.

+ Nhóm đối chứng trước và sau thực nghiệm

Bảng 3. Mức độ thích ứng với ba hành động học cơ bản môn Đọc hiểu TNN của nhóm ĐC trước và sau thực nghiệm

TT	Hành động học	Mức độ			
		Cao	Trung bình	Thấp	
1	Chuẩn bị bài học	ĐC (trước TN)	16.66	39.58	43.75
		ĐC (sau TN)	18.75	39.58	41.66
		$ P_1 - P_2 $	2.09	0	2.09
		t.sd	16.31	20.80	21.07
		Kết quả kiểm định	-	-	-
2	Tiếp thu kiến thức bài học	ĐC (trước TN)	8.33	16.66	75.00
		ĐC (sau TN)	8.33	16.66	75.00
		$ P_1 - P_2 $	0	0	0
		t.sd	12.15	15.94	18.13
		Kết quả kiểm định	-	-	-
3	Sử dụng GT và TLTK	ĐC (trước TN)	10.41	18.75	70.83
		ĐC (sau TN)	12.50	20.83	66.66
		$ P_1 - P_2 $	2.09	2.08	4.17
		t.sd	13.79	16.98	19.45
		Kết quả kiểm định	-	-	-

Kết quả bảng 3 cho thấy: Mức độ thích ứng với ba hành động học cơ bản môn Đọc hiểu TNN của nhóm ĐC trước và sau thực nghiệm có thay đổi nhưng không đáng kể. Kiểm định Rolf. Ludwig về sự khác biệt của mức độ thích ứng này ở nhóm ĐC trước và sau thực nghiệm là không có ý nghĩa ($|P_1 - P_2| < t.sd$). Có thể nói, nếu không tiến hành biện pháp tác động sư phạm đúng đắn, kịp thời và có hiệu quả thì mức độ thích ứng với một số hành động học cơ bản môn Đọc hiểu TNN diễn ra rất ít và chậm.

+ Nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng sau thực nghiệm

Kết quả bảng 4 cho thấy: Mức độ thích ứng với ba hành động học cơ bản môn Đọc hiểu TNN của nhóm TN đã thay đổi rõ rệt so với nhóm ĐC. Số SV của nhóm TN đạt mức độ thích ứng cao và thích ứng trung bình ở cả ba hành động học đều có tỷ lệ cao hơn so với nhóm ĐC, mức độ thích ứng thấp ở cả ba hành động học của nhóm TN đều có tỷ lệ thấp hơn so với nhóm ĐC.

Bảng 4. Mức độ thích ứng với ba hành động học cơ bản môn Đọc hiểu TNN của nhóm TN và nhóm ĐC sau thực nghiệm

TT	Hành động học	Nhóm thực nghiệm			Nhóm đối chứng		
		Cao (%)	Trung bình (%)	Thấp (%)	Cao (%)	Trung bình (%)	Thấp (%)
1	Chuẩn bị bài học	23.40	44.68	31.91	18.75	39.58	41.66
2	Tiếp thu kiến thức bài học	14.89	21.27	63.82	8.33	16.66	75.00
3	Sử dụng GT và TLTK	17.02	23.40	59.57	12.50	20.83	66.66

Kiểm định T - test để kiểm tra kết quả của nhóm TN và nhóm ĐC sau khi tiến hành biện pháp tác động sư phạm và thấy rằng mức độ thích ứng với ba hành động học cơ bản môn Đọc hiểu TNN ở nhóm TN cao hơn nhiều so với nhóm ĐC. Cụ thể: *Chuẩn bị bài học* với giá trị $t = 3.104$ và mức ý nghĩa $P[\text{Sig.}(2\text{-tailed})] = 0.003$ (mức sai số nhỏ hơn 5%). *Tiếp thu kiến thức bài học* với giá trị $t = 3.006$ và mức ý nghĩa $P[\text{Sig.}(2\text{-tailed})] = 0.004$ (mức sai số nhỏ hơn 5%). *Sử dụng GT và TLTK* với giá trị $t = 2.400$ và mức ý nghĩa $P[\text{Sig.}(2\text{-tailed})] = 0.020$ (mức sai số nhỏ hơn 5%). Kết quả này cho thấy

sự khác nhau có ý nghĩa giữa mức độ thích ứng của nhóm TN và nhóm ĐC sau thực nghiệm. Điều này cho phép khẳng định hiệu quả của biện pháp tác động sư phạm đã góp phần nâng cao mức độ thích ứng với hoạt động học môn Đọc hiểu TNN của SV trường ĐHNN-ĐHQG Hà Nội.

Để thấy rõ sự phát triển của mức độ thích ứng với ba hành động học cơ bản môn Đọc hiểu TNN, chúng tôi đã xác định hiệu số phát triển mức độ thích ứng với mỗi hành động học ở nhóm TN và nhóm ĐC dựa vào kết quả thu được trước và sau thực nghiệm.

Bảng 5. Kết quả trước và sau thực nghiệm về mức độ thích ứng với ba hành động học cơ bản môn Đọc hiểu TNN ở nhóm TN và nhóm ĐC

Mức độ thích ứng với từng hành động học		Nhóm thực nghiệm			Nhóm đối chứng		
		Trước TN	Sau TN	Hiệu số phát triển	Trước TN	Sau TN	Hiệu số phát triển
Chuẩn bị bài học	Cao	17.02	23.40	+ 6.38	16.66	18.75	+ 2.09
	Trung bình	40.42	44.68	+ 4.26	39.58	39.58	0
	Thấp	42.55	31.91	- 10.64	43.75	41.66	- 2.09
Tiếp thu kiến thức bài học	Cao	8.51	14.89	+ 6.38	8.33	8.33	0
	Trung bình	14.89	21.27	+ 6.38	16.66	16.66	0
	Thấp	76.59	63.82	- 12.77	75.00	75.00	0
Sử dụng GT và TLTK	Cao	10.63	17.02	+ 6.39	10.41	12.50	+ 2.09
	Trung bình	19.14	23.40	+ 4.26	18.75	20.83	+ 2.08
	Thấp	70.21	59.57	- 10.64	- 70.83	66.66	- 4.17

Kết quả bảng 5 cho thấy: Mức độ thích ứng với ba hành động học cơ bản môn Đọc hiểu TNN ở nhóm TN có hiệu số phát triển cao hơn

nhiều so với nhóm ĐC. Kết quả này đã khẳng định sự phát triển vượt trội về mức độ thích ứng ở nhóm TN và mục đích của thực nghiệm đã đạt được.

5. Kết luận và đề xuất

Kết quả thực nghiệm tác động sư phạm cho thấy mức độ thích ứng với ba hành động học cơ bản môn Đọc hiểu TNN của SV nhóm TN có sự phát triển do ảnh hưởng của biện pháp tác động. Sự phát triển của mức độ thích ứng với ba hành động học cơ bản của SV nhóm TN cao hơn sự phát triển của SV nhóm ĐC. Điều này cho phép khẳng định: *Việc hướng dẫn và tổ chức cho sinh viên thực hành một số hành động học cơ bản môn Đọc hiểu TNN là biện pháp sư phạm phù hợp và có hiệu quả trong việc nâng cao mức độ thích ứng với hoạt động học môn Đọc hiểu TNN của SV trường ĐHNN-ĐHQG Hà Nội.* Biện pháp này không chỉ áp dụng trong việc nâng cao mức độ thích ứng với hoạt động học môn Đọc hiểu TNN, mà còn có thể áp dụng trong việc nâng cao mức độ thích ứng với hoạt động học các môn học bằng tiếng Việt của SV trường ĐHNN, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

Từ những kết quả nghiên cứu trên, chúng tôi đề xuất một số ý kiến nhằm giúp SV trường ĐHNN-ĐHQG Hà Nội nâng cao mức độ thích ứng với hoạt động học môn Đọc hiểu tiếng nước ngoài:

- Nhà trường cần phối hợp chặt chẽ với các khoa đào tạo và Đoàn thanh niên để giới thiệu cho SV phương pháp học TNN nói chung và phương pháp học môn Đọc hiểu TNN nói riêng, tổ chức các câu lạc bộ tiếng, tổ chức các hoạt động giao lưu giữa SV các khóa học trong khoa, giữa SV các khoa trong trường...

- Giảng viên dạy TNN cần thường xuyên đổi mới phương pháp giảng dạy môn Đọc hiểu TNN, giúp SV hiểu được mục đích, yêu cầu và hướng dẫn cách thực hiện các hành động học cơ bản môn học này, tăng thời gian thực hành để SV rèn luyện các hành động học cơ bản đó.

- Sinh viên cần nhận thức đúng về vai trò, tác dụng, mục đích, yêu cầu của các hành động học cơ bản môn Đọc hiểu TNN và tích cực rèn luyện các hành động học này.

Những đề xuất trên đây cần được tiến hành với sự phối hợp đồng bộ giữa giảng viên, sinh viên, các khoa đào tạo, Đoàn thanh niên và nhà trường.

Tài liệu tham khảo

- [1] Trần Hữu Luyến, Cơ sở tâm lý học dạy học ngoại ngữ, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2008.
- [2] Клычникова з.и. психологические особенности обучения чтению на иностранном языке.м., "просвещение", 1973.
- [3] Đỗ Thị Châu, Nghiên cứu kỹ năng đọc hiểu tiếng Anh của học sinh lớp 6, Luận án tiến sỹ khoa học Sư phạm tâm lý, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội, 1999.
- [4] Đặng Thị Lan, Mức độ thích ứng với hoạt động học một số môn học chung và môn Đọc hiểu tiếng nước ngoài của sinh viên trường Đại học Ngoại ngữ-Đại học Quốc gia Hà Nội, Luận án tiến sỹ khoa học sư phạm tâm lý, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội, 2009.
- [5] Trần Hữu Luyến, Cơ sở tâm lý học dạy học ngoại ngữ, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2008.

Measures to Improve Students' Adaptation Level to Learning Activities in Reading Foreign Languages at University of Languages and International Studies, Vietnam National University, Hanoi

Đặng Thị Lan

*Division of Educational Psychology, VNU University of Languages and International Studies,
Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hanoi, Vietnam*

Abstract: In this study, the experimental method of pedagogical impact is used to evaluate the effectiveness of “*guiding and controlling students to practice some basic actions in reading foreign languages*” in order to improve the adaptation level to this subject. The results show that the adaptation level to three basic actions in reading foreign languages by the experimental group has improved. The improvement of this experimental group's adaptation level is greater than controlling one. It proves that our above method is appropriate and feasible to improve students' adaptation level to learning activities in reading foreign languages at ULIS-VNU.

Keywords: Measures to improve students' adaptation level, student's activities of learning foreign languages, reading.